

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **78/2023/HSST**

Ngày: 09/8/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiêu và ông Bùi Văn Độ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2023/HSST ngày 10 tháng 07 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXX ngày 25/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn T, sinh năm 1987; Giới tính: Nam; ĐKKHKT và ở: Số nhà 8, ngõ 32, đường Phương Vinh, thôn 6, xã T, huyện Đ, thành phố H; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Văn Tuấn, sinh năm 1943; Con bà: Hoàng Thị Tình (đã chết); Có vợ; Có 02 con, lớn SN 2011, nhỏ SN 2013.

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 23/10/2015, TAND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 138 BLHS.

- Ngày 12/4/2016, TAND TP Hà Nội xử phạt 6 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 3, Điều 134 BLHS. Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 23/10/2015 phải chấp hành 7 năm 10 tháng tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2021). (Bản án này không xác định Lê Văn T tái phạm do án sau xử trước, án trước xử sau).

Nhân thân: Ngày 16/12/2009, bị TAND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 138 BLHS, 6 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1,

Điều 250 BLHS. Tổng hợp hình phạt là 18 tháng tù. (chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2010).

Danh chỉ bản số 177 lập ngày 03/5/2023 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 01/5/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên Toà.

2. Họ và tên: Lê Văn C, sinh năm 1999; Giới tính: Nam; ĐKKHKT và ở: Số nhà 12, ngõ 32 đường Phương Vinh, thôn 6, xã T, huyện Đ, thành phố H; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Văn Tùng, sinh năm 1975; Con bà: Trần Thị Tuyết, sinh năm 1980; Có vợ; Có 01 con SN 2023.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

- Ngày 16/11/2015, bị Công an huyện Đan Phượng xử phạt hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi đánh nhau (đã nộp 16/11/2015).

- Ngày 26/7/2018, TAND huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xử 9 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản theo khoản 1, Điều 135 BLHS, 4 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật theo khoản 1, Điều 123 BLHS. Tổng hợp hình phạt là 13 tháng tù. (chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2019). (Khi phạm tội Lê Văn C là người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi)

- Ngày 11/9/2020, TAND huyện Đan Phượng xử phạt 2 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 2, Điều 134 BLHS. (Chấp hành xong hình phạt tù 01/9/2021). (Khi phạm tội Lê Văn C là người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi).

Danh chỉ bản số 046 lập ngày 04/2/2023 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/1/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên Toà.

3. Họ và tên: Tạ Văn L, sinh năm 1994; Giới tính: Nam; ĐKKHKT và ở: Số 1, xóm Nhà Thờ, đường Tiến Bộ, thôn 6, xã T, huyện Đ, thành phố H; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Tạ Văn Sinh (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1964; Vợ con: chưa có.

Tiền sự: không

Tiền án:

- Ngày 22/10/2013, TAND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xử phạt 48 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo khoản 2, Điều 136 BLHS (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2017);

- Ngày 10/01/2019, TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo khoản 2, Điều 136 BLHS. (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2022, chưa được xóa án tích).

Danh chỉ bản số 049 lập ngày 04/2/2023 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/1/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên Toà.

4. Họ và tên: Đỗ Văn G, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; ĐKKHKT và ở: Số nhà 22, đường Trung Hà, thôn 6, xã T, huyện Đ, thành phố H; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Đỗ Văn Thêm, sinh năm 1959; Con bà: Nguyễn Thị Yên, sinh năm 1962; Có vợ; Có 02 con, lớn SN 2009, nhỏ SN 2011.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 16/11/2018, bị TAND quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo 12 tháng thử thách về tội đánh bạc theo khoản 1, Điều 321 BLHS.

Danh chỉ bản số 115 lập ngày 22/3/2023 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn K, sinh năm 2000; Giới tính: Nam; ĐKKHKT và ở: Số nhà 9, ngõ Đại Phát, thôn 3, xã M, huyện Đ, thành phố H; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Thương, sinh năm 1968; Con bà: Hoàng Thị Hạnh, sinh năm 1973; Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 048 lập ngày 02/2/2023 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023 đến ngày 12/4/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

6. Họ và tên: Đỗ Văn C1, sinh năm 1994 ; Giới tính: nam; Nơi ĐKKHKT và ở: Số 6, ngách 17, đường An Bài, thôn 2, xã M, huyện Đ, thành phố H; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Đỗ Văn Quang, sinh năm 1973; Con bà: Nguyễn Thị Dậu, sinh năm 1974; Có vợ; Có 02 con, lớn SN 2013, nhỏ SN 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 047 lập ngày 04/2/2023 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/1/2023 đến ngày 10/3/2023, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 32, đường Phương Vinh, thôn 6, xã T, huyện Đ, thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 11 giờ ngày 26/01/2023, Nguyễn Văn K, sinh năm 2000 ở thôn 3, xã T, huyện Đ đến phòng trọ của Đỗ Văn C1, sinh năm 1994 ở thôn 5, xã T, Đ, H chơi rồi rủ C1 đi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. C1 đồng ý và gọi điện cho Tạ Văn L sinh năm 1994 ở thôn 6, xã Thượng Mỗ hỏi chỗ đánh xóc đĩa. Lúc này L đang đi chơi cùng Lê Văn T, sinh năm 1987 ở thôn 6, xã T, huyện Đ nên khi biết việc C1 hỏi chỗ đánh xóc đĩa thì T nói với L bảo C1 đến nhà mình. Sau khi nghe T nói vậy, L bảo C1 là có chỗ đánh bạc và bảo lên nhà T. Khi C1 và K đến thì T và L dẫn sang nhà Đỗ Văn G sinh năm 1985 ở thôn 6, xã T, huyện Đ thấy G, Lê Văn C sinh năm 1999 ở thôn 6 xã T và khoảng 03 người khác (không rõ tên tuổi địa chỉ ở đâu) đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. K, T, C1 vào tham gia đánh bạc cùng những người trên, còn L ngồi xem.

Khi đánh bạc K có 25.000.000 đồng bị thua hết nên nhờ L nói với T cho vay tiền, L đồng ý, T cho K vay 4 lần mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng cộng 200.000.000 đồng, T lấy luôn tiền lãi là 10.000.000 đồng, K sử dụng 190.000.000 đồng tiền vay để đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày K bị thua còn 50.000.000 đồng, K trả cho T 50.000.000 đồng còn nợ T 150.000.000 đồng. Đỗ Văn C1 không có tiền nên nhờ Linh bảo Lê Văn T cho vay tiền. L đồng ý, T cho C1 vay tiền hai lần mỗi lần 5.000.000 đồng tổng là 10.000.000 đồng, T lấy luôn tiền lãi là 500.000 đồng, C1 sử dụng số tiền 9.500.000 đồng tiền vay vào việc đánh bạc. Khi đánh bạc bị thua hết tiền C1 ngồi xem, C1 chưa trả tiền cho T. Lê Văn C không có tiền nên vay Đỗ Văn G

chủ nhà 5.000.000 đồng để đánh bạc. Khi đánh thắng C đã trả cho Giáp 5.000.000 đồng, khi ra về Công không còn tiền. Đỗ Văn G khai có 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc, đến khi không chơi nữa Giáp vẫn còn 6.000.000 đồng không thắng cũng không thua, Tài khai có 4.000.000 đồng dùng để đánh bạc và bị thua hết. Tất cả đánh bạc đến 14 giờ cùng ngày thì ra về. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 239.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Cường, Linh, Kha, Công, Giáp, Tài khai nhận quân xóc và đĩa sù trước đó không biết do ai chuẩn bị. Khi đánh bạc do Kha bị thua nhiều, nghi ngờ có gian lận nên Kha đề nghị đập bát đĩa và xé quân bài. Kha đi vào bếp nhà Giáp lấy bộ bát đĩa mới, còn Cường cắt quân xóc mới, Giáp là người xóc cái.

Ngày 28/01/2023 Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nhà ở của Lê Văn T thu giữ số tiền 75.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia sim số 0996276789, 01 xe máy Vision biển số 29 X3-539.89.

Ngày 28/01/2023 cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max màu vàng lắp sim 0378304617 của Lê Văn C, 01 điện thoại oppo A 17 K lắp sim số 0396881194 của Tạ Văn L, 01 điện thoại Iphone X màu trắng lắp sim 0324581139 của Nguyễn Văn K, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C lắp sim 0388263326 và 03333584300 của Đỗ Văn C1.

Ngày 28/01/2023, cơ quan điều tra bắt giữ khẩn cấp đối với Nguyễn Văn K, Lê Văn C, Đỗ Văn C1, Tạ Văn L. Ngày 01/05/2023 cơ quan điều tra bắt tạm giam Lê Văn T.

Ngày 07/02/2023, Cơ quan điều tra khám xét nhà ở của Đỗ Văn G thu giữ 01 thảm xốp hình chữ nhật, 05 năm bộ bài chắn còn nguyên túi nilon.

Ngày 24/2/2023, bị cáo Đỗ Văn G tự nguyện nộp 6.000.000 đồng đánh bạc cho cơ quan điều tra.

Tại cơ quan điều tra Lê Văn T khai chỉ cho Kha vay hai lần tổng số 15.000.000 đồng để đánh bạc và không tính lãi, Tài không cho Cường vay tiền đánh bạc. Tuy nhiên các bị cáo Kha, Công, Cường, Linh, Giáp đều khẳng định Tài cho Cường vay 10.000.000 đồng, Kha 200.000.000 đồng cứ 10.000.000 đồng phải trả lãi 500.000 đồng.

Các bị cáo khai nhận, ngoài các bị cáo còn có 03 người khác tham gia đánh bạc, trong đó có một người tên Kiên ở thị trấn Phùng, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không làm rõ được là ai để xử lý theo quy định nên đã tách rút tài liệu để tiếp tục điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ và xử lý: Chuyển 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max màu vàng lắp sim 0378304617, 01 điện thoại Oppo A 17 K lắp sim số 0396881194, 01 điện thoại Iphone X màu trắng lắp sim 0324581139, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C lắp sim 0388263326 và 03333584300, 01 thảm xốp hình chữ nhật, 05 năm bộ bài chắn còn nguyên túi nilon, 01 điện thoại di động Nokia sim số 0996276789, 01 xe máy Vision biển số 29 X3-539.89 và số tiền 81.000.000 đồng từ Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đan Phượng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng để giải quyết trong giai đoạn xét xử.

Tại Bản cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 06/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng quyết định truy tố bị cáo Tạ Văn L về tội “*Đánh bạc*” theo điểm b, d theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn C, Đỗ Văn G, Nguyễn Văn K, Đỗ Văn C1 về tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, TP Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

- * Về hình phạt chính:

- + Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 321; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T):

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 03 năm 6 tháng đến 4 năm tù về tội Đánh bạc. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 33 đến 36 tháng tù về tội Đánh bạc. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Tạ Văn L từ 03 năm 6 tháng đến 4 năm tù về tội Đánh bạc. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam.

- + Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Đỗ Văn C1, Đỗ Văn

G, Nguyễn Văn K mỗi bị cáo 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án.

* Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

* Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thảm xếp hình chữ nhật, 05 năm bộ bài chắn còn nguyên túi nilon.

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại Oppo A 17K lắp sim số 0396881194 của Tạ Văn L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C lắp sim 0388263326 và 0333584300 của Đỗ Văn C1 sử dụng liên lạc vào việc phạm tội.

- Trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho anh Lê Văn Tuyên là anh trai bị cáo Tài (đây là tiền anh Tuyên gửi bị cáo Tài), trả lại cho bị cáo Tài số tiền 25.000.000 đồng, 01 xe máy Vision biển số 29 X3-539.89 và 01 điện thoại di động Nokia sim số 0996276789 vì đây là tài sản của anh Tuyên và tài sản của vợ chồng Tài không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho Lê Văn C 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max màu vàng lắp sim 0378304617. Trả cho Nguyễn Văn K 01 điện thoại Iphone X màu trắng lắp sim 0324581139.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng, TP Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, TP Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan cùng vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 11 giờ ngày 26/01/2023, Nguyễn Văn K, Đỗ Văn C1

được Tạ Văn L, Lê Văn T đưa đến nhà Đỗ Văn G ở thôn 6, xã T, huyện Đan Phượng đánh bạc. Khi đến nơi thấy chủ nhà Đỗ Văn G, Lê Văn C và khoảng 03 người khác không rõ tên tuổi địa chỉ ở đâu, đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Kha, Tài, Cường tham gia đánh xóc đĩa cùng những người trên, Linh ngồi xem và bảo lãnh cho Cường vay Tài 10.000.000 đồng, Kha vay tài 200.000.000 đồng. Kha có 215.000.000 đồng đánh bạc bị thua còn 50.000.000 đồng. Cường có 9.500.000 đồng, Tài có 4.000.000 đồng đánh bạc bị thua hết, Công có 5.000.000 đồng đánh bạc, Giáp có 6.000.000 đồng đánh bạc hòa, còn khoảng 3 đối tượng khác cùng tham gia đánh bạc nhưng chưa xác định được là ai. Tất cả đánh bạc đến 14 giờ chiều cùng ngày thì ra về. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 239.500.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Tạ Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo điểm b, d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn C, Đỗ Văn G, Nguyễn Văn K, Đỗ Văn C1 đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về hành vi như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn T phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đỗ Văn C1, Nguyễn Văn K lần đầu phạm tội, bị cáo Đỗ Văn G tự nguyện nộp số tiền đánh bạc nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Đánh giá tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, xâm hại tới đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống các tệ nạn xã hội mà còn là nguyên nhân của các tội phạm khác, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình và bản thân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc, không có ai khởi xướng, không biết ai chuẩn bị quân số và bát đĩa nên phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau. Tuy nhiên các bị cáo Tài, Linh là người đã có tiền án, bị cáo Công, Giáp có nhân thân xấu nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nay lại phạm tội mới nên cần chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Đối với các bị cáo là Đỗ Văn G, Nguyễn Văn K và Đỗ Văn C1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Văn K và Đỗ Văn C1 không có tiền án tiền sự, bị cáo Đỗ Văn G có nhân thân xấu nhưng đã tự nguyện nộp số tiền đánh bạc; tại cơ quan điều tra và tại phiên Toà các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và có nơi cư trú rõ ràng, có các tình tiết giảm nhẹ như đã viện dẫn ở trên. Do đó, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Xét các bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Các bị cáo khai nhận, ngoài các bị cáo còn có 03 người khác tham gia đánh bạc, trong đó có một người tên Kiên ở thị trấn Phùng, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không làm rõ được là ai để xử lý theo quy định nên đã tách rút tài liệu để tiếp tục điều tra xử lý là có căn cứ.

[7] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng, số máy MLEF3LL/A, SỐ IMEL: 353210484057748, số IMEL 2: 353210484196116, lắp sim 0378304617 của Lê Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, số IMEL: 359403086484139, lắp sim 0324581139 của Nguyễn Văn K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, lắp sim số 0996276789, số IMEL: 358264036084044 của Lê Văn T không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K lắp sim số 0396881194 của Tạ Văn L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, IMEL(khe 1): 863827044954958/78, IMEL(khe 2): 8638270449549966/78, lắp sim 1 có số thuê bao 03333584300 và sim 2 có số thuê bao 0388263326 của Đỗ Văn C1 sử dụng liên lạc vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 chiếc thảm chất liệu xốp, hình chữ nhật, kích thước khoảng 1,8mx2m, cả hai mặt của thảm có hình các con vật, nhân vật hoạt hình, nhiều

màu sắc và 05 năm bộ bài chắn còn nguyên túi nilon(2 bộ bài chắn gáy xanh, 02 bộ bài trắng gáy đỏ và 01 bộ bài chắn gáy trắng) là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, biển số 29 X3-539.89, số máy: JK03E 7623001, số khung: RLHJK0321NZ003052, cùng giấy đăng ký mang tên Lê Văn T là tài sản của vợ chồng bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 75.000.000 đồng thu của Lê Văn T và 6.000.000 đồng do Đỗ Văn G tự nguyện nộp. Trong đó có số tiền 50.000.000 đồng là anh Lê Văn Tuyên gửi ở nhà Lê Văn T. Qua quá trình xác minh lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan nên cần trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho anh Lê Văn Tuyên. Còn số tiền 25.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Tài nên cần trả lại cho bị cáo Lê Văn T.

- Số tiền 6.000.000 đồng là số tiền bị cáo Đỗ Văn G sử dụng đánh bạc, bị cáo tự nguyện nộp nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn C, Nguyễn Văn K, Đỗ Văn C1 phải nộp số tiền đánh bạc, cụ thể như sau: Bị cáo Lê Văn T nộp số tiền đánh bạc là 4.000.000 đồng; Bị cáo Lê Văn C nộp số tiền đánh bạc là 5.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn K nộp số tiền đánh bạc là 25.000.000 đồng; Bị cáo Đỗ Văn C1 nộp số tiền đánh bạc là 9.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về dân sự: không

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn C, Tạ Văn L, Đỗ Văn G, Nguyễn Văn K và Đỗ Văn C1 phạm tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự :

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T 39 (ba mươi chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/5/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Văn C 36 (ba mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/1/2023.

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự :

Xử phạt bị cáo **Tạ Văn L 39** (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/1/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự :

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn G 36** (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách của Bản án. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K 33** (ba mươi ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, thành phố H theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách của Bản án. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn C1 30** (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, thành phố H theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách của Bản án. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên,

thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc thảm chất liệu xốp, hình chữ nhật, kích thước khoảng 1,8mx2m, cả hai mặt của thảm có hình các con vật, nhân vật hoạt hình, nhiều màu sắc và 05 năm bộ bài chắn còn nguyên túi nilon(2 bộ bài chắn gáy xanh, 02 bộ bài trắng gáy đỏ và 01 bộ bài trắng gáy trắng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K lắp sim số 0396881194 thu của Tạ Văn L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, IMEL(khe 1): 863827044954958/78, IMEL(khe 2): 8638270449549966/78, lắp sim 1 có số thuê bao 03333584300 và sim 2 có số thuê bao 0388263326 thu của Đỗ Văn C1.

- Trả lại cho Lê Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng, số máy MLEF3LL/A, SỐ IMEL: 353210484057748, số IMEL 2: 353210484196116, lắp sim 0378304617; trả lại cho Nguyễn Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, số IMEL: 359403086484139, lắp sim 0324581139;

- Trả lại cho Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, lắp sim số 0996276789, số IMEL: 358264036084044 và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, biển số 29 X3-539.89, số máy: JK03E 7623001, số khung: RLHJK0321NZ003052, cùng giấy đăng ký mang tên Lê Văn T.

(Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2023).

- Trả lại anh Lê Văn Tuyên số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Trả lại bị cáo Lê Văn T số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.000.000 đồng của bị cáo Đỗ Văn G.

(Số tiền trên hiện đang lưu giữ tại số tài khoản 3949.0.9052628.00000 tại Kho bạc Nhà nước Đan Phượng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 26 tháng 7 năm 2023).

Buộc các bị cáo Lê Văn T nộp số tiền đánh bạc là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), Lê Văn C nộp số tiền đánh bạc là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), Nguyễn Văn K nộp số tiền đánh bạc là 25.000.000 đồng (*hai*

mười năm triệu đồng), Đỗ Văn C1 nộp số tiền đánh bạc là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Về dân sự: không

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo mỗi người phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; NLQ
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND h. Đan Phượng;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an H. Đan Phượng;
- Chi cục THADS H. Đan Phượng;
- Lưu HS - VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**